

Số: 20/NQ - HĐND

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 1);

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2); Báo cáo thẩm tra số 68/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2):

Tổng giá trị điều chỉnh là 29.244 triệu đồng. Cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 06 chương trình, dự án: 29.244 triệu đồng.

b) Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn 14 chương trình, dự án: 29.244 triệu đồng. Trong đó:

- 07 dự án quyết toán, dự án hoàn thành: 424 triệu đồng.

- 02 dự án khởi công mới năm 2022: 3.700 triệu đồng.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chung xây dựng của 34 xã: 8.500 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư 01 dự án ODA: 1.482 triệu đồng.
- Đối ứng 03 chương trình mục tiêu quốc gia: 15.138 triệu đồng.

(Danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án theo biểu đính kèm Nghị quyết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; không bố trí vốn cho các dự án chưa đủ điều kiện, thủ tục đầu tư theo quy định. Đối với các nhiệm vụ, dự án chưa đủ thủ tục đầu tư cần tiếp tục hoàn thiện, phân bổ chi tiết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2022./. ✓

Nơi nhận: ✓

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. ✓

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2022 (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số: **20** /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư vốn CDNS năm 2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CDNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CDNS năm 2022	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn CDNS năm 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	18	19
	TỔNG CỘNG											123.711	29.244	29.244	123.711		
A	ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN				2.201.191	360.846			-	314.828	53.889	135.712	29.244	-	84.067		
I	Y tế, dân số và gia đình				37.000	37.000				37.000	831	831	21.000	10.000	-	11.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>																
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn thành cơ sở điều trị	2021	2023	2177/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	37.000	37.000			37.000	831	831	21.000	10.000		11.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
II	Quy hoạch				39.143	39.143			29.143	20.000	30.000	9.143	2.200	-	6.943		
2	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021	2022	2357/QĐ-UBND ngày 26/11/2019, 2122/QĐ-UBND ngày 19/11/2020, 349/QĐ-UBND ngày 3/3/2022	39.143	39.143			29.143	20.000	30.000	9.143	2.200		6.943	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
III	Đối ứng dự án ODA				2.125.048	284.703			202.728	33.058	104.881	72.389	15.256	-	57.133		
3	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả			3102/QĐ-BNN-HTQT, 21/7/2016	213.630	16.946			5.678	3.678	10.178	2.000	1.500		500	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	
4	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)			1438/QĐ-UBND, 07/9/2016, 762/QĐ-UBND, 02/06/2017, 1896/QĐ-UBND, 21/10/2020	840.129	93.670			70.670	18.000	40.323	26.000	5.000		21.000	Ban Điều phối dự án CSSP tỉnh	
5	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn			1205/QĐ-TTg 17/8/2017, 1249/QĐ-UBND 25/8/2017, 1767/QĐ-UBND 23/10/2018	1.071.289	174.087			126.380	11.380	54.380	44.389	8.756		35.633	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
IV	Đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia								45.957	-	-	10.779	1.788	-	8.991		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								45.957	-	-	10.779	1.788	-	8.991		
1.1	Phân cấp tỉnh điều hành								45.957			10.779	1.788		8.991		
B	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐƯỢC BỔ SUNG DANH MỤC, PHÂN BỐ VỐN				166.075	54.034		128.420	128.170	2.286	29.422	10.400	-	29.244	39.644		
I	Giáo dục, đào tạo				18.208	18.208		16.652	49	-	16.603	-	-	49	49		
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>																
1	Trường Mầm non Liên Cơ huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	2011	2017	669/QĐ-UBND ngày 23/4/2014	18.208	18.208	1490/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	16.652	49		16.603		49		49	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
II	Y tế, dân số và gia đình				37.341	3.300		30.506	3.441	-	-	-	-	1.641	1.641		
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>																
2	Bệnh viện đa khoa huyện Bạch Thông	2004	2011	2537/QĐ-UBND ngày 30/11/2010	34.041		1348/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	30.506	141				141		141	UBND huyện Bạch Thông	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>																
3	Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp khoa điều trị nội trú cho người bệnh thuộc diện Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh	2022	2023	1147/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	3.300	3.300			3.300				1.500		1.500	Sở Y tế	
III	Công nghệ thông tin				45.500	15.500		28.130	33	-	1.847	-	-	33	33		
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>																
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước hướng tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn	2016	2019	1748/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	45.500	15.500	1415/QĐ-UBND ngày 5/8/2021	28.130	33		1.847		33		33	Trung tâm CNTT&TT	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư vốn CDNS năm 2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CDNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CDNS năm 2022	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn CDNS năm 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Giảm	Tăng			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh											
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững								14.211	0	0	2.000	0	2.720	4.720		
1.1	Phân cấp tỉnh điều hành								2.276					677	677		
1.2	Phân cấp huyện điều hành								11.935	-	-	2.000	-	2.043	4.043		
-	Huyện Chợ Mới								27					2	2	UBND huyện Chợ Mới	
-	Huyện Chợ Đồn								31					3	3	UBND huyện Chợ Đồn	
-	Huyện Ngân Sơn								5.738			1.000		967	1.967	UBND huyện Ngân Sơn	
-	Huyện Bạch Thông								25					2	2	UBND huyện Bạch Thông	
-	Huyện Pác Nặm								6.018			1.000		1.060	2.060	UBND huyện Pác Nặm	
-	Huyện Ba Bể								42					4	4	UBND huyện Ba Bể	
-	Huyện Na Ri								32					3	3	UBND huyện Na Ri	
-	Thành phố Bắc Kạn								22					2	2	UBND thành phố Bắc Kạn	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								43.282	0	0	5.000	0	2.385	7.385		
2.1	Phân cấp huyện điều hành								43.282	0	0	5.000	0	2.385	7.385		
-	Huyện Chợ Mới								5.095			600		348	948	UBND huyện Chợ Mới	
-	Huyện Chợ Đồn								6.511			600		505	1.105	UBND huyện Chợ Đồn	
-	Huyện Ngân Sơn								5.055			670		200	870	UBND huyện Ngân Sơn	
-	Huyện Bạch Thông								5.245			600		311	911	UBND huyện Bạch Thông	
-	Huyện Pác Nặm								6.139			750		239	989	UBND huyện Pác Nặm	
-	Huyện Ba Bể								6.749			820		313	1.133	UBND huyện Ba Bể	
-	Huyện Na Ri								8.416			960		456	1.416	UBND huyện Na Ri	
-	Thành phố Bắc Kạn								72					13	13	UBND thành phố Bắc Kạn	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới								41.574			1.100	0	10.033	11.133		
3.1	Phân cấp huyện điều hành																
-	Huyện Chợ Mới								2.651			180		1.140	1.320	UBND huyện Chợ Mới	
-	Huyện Chợ Đồn								28.732			575		3.807	4.382	UBND huyện Chợ Đồn	
-	Huyện Ngân Sơn								853			16		716	732	UBND huyện Ngân Sơn	
-	Huyện Bạch Thông								5.073			148		1.316	1.464	UBND huyện Bạch Thông	
-	Thành phố Bắc Kạn								330			33		53	86	UBND thành phố Bắc Kạn	
-	Huyện Ba Bể								1.517			66		966	1.032	UBND huyện Ba Bể	
-	Huyện Na Ri								1.558			82		1.173	1.255	UBND huyện Na Ri	
-	Huyện Pác Nặm								860					862	862	UBND huyện Pác Nặm	